

Số: 227 /CTTVI-TTHT

Trà Vinh, ngày 21 tháng 01 năm 2025

V/v chính sách thuế TNCN
đối với thu nhập từ nước ngoài

Kính gửi: Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - CN Tổng Công ty Phát điện 1
Địa chỉ: Ấp Mù U, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trả lời Công văn số 235/NĐDH-TCKT ngày 13/01/2025 của Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - CN Tổng Công ty Phát điện 1 (gọi tắt là Công ty) về chính sách thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với thu nhập từ nước ngoài. Về vấn đề này, Cục Thuế tỉnh Trà Vinh có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

+ Tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 hướng dẫn về người nộp thuế:

“1. Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam, trong đó ngày đến và ngày đi được tính là một (01) ngày. Ngày đến và ngày đi được căn cứ vào chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trên hộ chiếu (hoặc giấy thông hành) của cá nhân khi đến và khi rời Việt Nam. Trường hợp nhập cảnh và xuất cảnh trong cùng một ngày thì được tính chung là một ngày cư trú.

Cá nhân có mặt tại Việt Nam theo hướng dẫn tại điểm này là sự hiện diện của cá nhân đó trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo một trong hai trường hợp sau:

...

2. Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện nêu tại khoản 1, Điều này.

...”

+ Tại khoản 2 Điều 2 hướng dẫn các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công:

“2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

...”

+ Tại Điều 7 (các nội dung liên quan đến thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân kinh doanh tại Điều này bị bãi bỏ tại khoản 6 Điều 25 Thông tư số 92/2015/TT-BTC) hướng dẫn về thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công:

“Điều 7. Căn cứ tính thuế đối với thu nhập chịu thuế từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công

Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh và thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập tính thuế và thuế suất, cụ thể như sau:

1. Thu nhập tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này trừ (-) các khoản giảm trừ sau:

a) Các khoản giảm trừ gia cảnh theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 9 Thông tư này.

b) Các khoản đóng bảo hiểm, quỹ hưu trí tự nguyện theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 9 Thông tư này.

c) Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học theo hướng dẫn tại khoản 3, Điều 9 Thông tư này.

2. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công được áp dụng theo Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân, cụ thể như sau:

<i>Bậc thuế</i>	<i>Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)</i>	<i>Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)</i>	<i>Thuế suất (%)</i>
<i>1</i>	<i>Đến 60</i>	<i>Đến 5</i>	<i>5</i>
<i>2</i>	<i>Trên 60 đến 120</i>	<i>Trên 5 đến 10</i>	<i>10</i>
<i>3</i>	<i>Trên 120 đến 216</i>	<i>Trên 10 đến 18</i>	<i>15</i>
<i>4</i>	<i>Trên 216 đến 384</i>	<i>Trên 18 đến 32</i>	<i>20</i>
<i>5</i>	<i>Trên 384 đến 624</i>	<i>Trên 32 đến 52</i>	<i>25</i>
<i>6</i>	<i>Trên 624 đến 960</i>	<i>Trên 52 đến 80</i>	<i>30</i>
<i>7</i>	<i>Trên 960</i>	<i>Trên 80</i>	<i>35</i>

... ”

+ Tại khoản 2 Điều 8 (các nội dung liên quan đến thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân kinh doanh tại Điều này bị bãi bỏ tại khoản 6 Điều 25 Thông tư số 92/2015/TT-BTC) hướng dẫn xác định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công:

“2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công

a) Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công được xác định bằng tổng số tiền lương, tiền công, tiền thù lao, các khoản thu nhập khác có tính chất tiền lương, tiền công mà người nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 2 Thông tư này.

... ”

+ Tại Điều 18 hướng dẫn căn cứ tính thuế đối với cá nhân không cư trú:

“Điều 18. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (×) với thuế suất 20%.

2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định như đối với thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

... ”

- Căn cứ Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về người nộp thuế:

“Điều 2. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân như sau:

Điều 1. Người nộp thuế

...

Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như sau:

Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập;

...

Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập”

- Căn cứ khoản 3 Điều 19 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế hướng dẫn khai thuế, tính thuế, phân bổ thuế thu nhập cá nhân:

“3. Khai thuế, nộp thuế:

a) Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

...

a.2) Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế bao gồm: cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả từ nước ngoài; cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam nhưng được trả từ nước ngoài; cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng chưa khấu trừ thuế; cá nhân nhận cổ phiếu thưởng từ đơn vị chi trả.

...

- Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế quy định:

+ Tại khoản 2 Điều 8 quy định các loại thuế khai theo tháng, khai theo quý, khai theo năm, khai theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế và khai quyết toán thuế:

“2. Các loại thuế, khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước khai theo quý, bao gồm:

...

c) Thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân, mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đó thuộc diện khai thuế giá trị gia tăng theo quý và lựa chọn khai thuế thu nhập cá nhân theo quý; cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền

công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế và lựa chọn khai thuế thu nhập cá nhân theo quý.

... ”

+ Căn cứ điểm 9.2, Mục 9 Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế (Kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ) quy định hồ sơ khai thuế đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế.

Căn cứ các quy định và hướng dẫn nêu trên, trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả từ nước ngoài; cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam nhưng được trả từ nước ngoài thuộc diện trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế theo quy định tại tiết a.2, điểm a, khoản 3 Điều 19 Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Việc xác định cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Căn cứ tính thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính; đối với cá nhân cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và kỳ khai thuế TNCN được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Việc xác định thu nhập chịu thuế đối với cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC.

Hồ sơ khai thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại điểm 9.2, Mục 9 Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế (Kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ).

Đề nghị Công ty căn cứ các quy định của pháp luật được trích dẫn nêu trên và đối chiếu với tình hình thực tế để hướng dẫn cá nhân thực hiện đúng quy định.

Cục Thuế tỉnh Trà Vinh trả lời đề Công ty được biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Các Phòng: NVĐTPC, KK, TTKT1, TTKT2;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Công Thành